

Bản án số: 44/2023/HNGĐ- ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc A, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1951 (vắng mặt). Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 24/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Ngọc A ngày 22/12/1998, có được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng khoảng 01 năm thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng nghi ngờ không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần anh Bùi Ngọc A đánh đuổi chị ra khỏi

nhà. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2023 đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Ngọc A.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 06/3/2001; Bùi Ngọc A, sinh ngày 11/12/2007 và Bùi Ngọc N, sinh ngày 10/5/2009. Hiện nay cháu A, N đang ở cùng anh Bùi Ngọc A, còn cháu N đi làm tự do. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu A; để anh Bùi Ngọc A được nuôi cháu N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Đối với cháu N đã thành niên lao động tự túc được nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh H gồm 08 sổ tiết kiệm với tổng số tiền gửi là 540.645.000 đồng.

Sổ thứ nhất số sổ: AC 00022202299 ngày 28/8/2020 số tiền 33.549.000 đồng.

Sổ thứ hai số sổ: AC 00034382250 ngày 05/10/2022 số tiền 60.000.000 đồng.

Sổ thứ ba số sổ: AC 00037207633 ngày 02/3/2023 số tiền 65.000.000 đồng.

Sổ thứ tư số sổ: AC 00032755775 ngày 20/7/2022 số tiền 160.000.000 đồng.

Sổ thứ năm số sổ: AC 00031369244 ngày 31/5/2022 số tiền 115.000.000 đồng.

Sổ thứ sáu số sổ: AC 00034388329 ngày 12/12/2022 số tiền 20.000.000 đồng.

Sổ thứ bảy số sổ: AC 00021113524 ngày 04/5/2020 số tiền 44.856.000 đồng.

Sổ thứ tám số sổ: AC 00026252005 ngày 10/5/2021 số tiền 42.240.000 đồng.

Đối với các khoản nợ quá trình giải quyết chị trình bày cho vợ chồng anh Cao Đức T vợ là Bùi Thị A, trú tại thôn P, xã L, huyện Lập Thạch vay số tiền 30.000.000 đồng; cho vợ chồng bà Bùi Thị T và ông Lê Văn H là cô ruột của anh A, trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được giấy báo của Tòa án thì vợ chồng anh T, chị A và bà T, ông H đều đã trả lại toàn bộ số tiền nợ trên cho anh Bùi Ngọc A tổng cộng là 40.000.000 đồng. Đến nay anh Bùi Ngọc A đang quản lý 08 sổ tiết kiệm trị giá 540.645.000 đồng và 40.000.000 đồng lấy nợ của anh T, chị A và bà T, ông H. Tổng cộng anh Bùi ngọc A đang quản lý số tiền 580.645.000 đồng. Ly hôn chị đề nghị chia đôi số tiền trên, anh Bùi Ngọc A đang quản lý phải thanh toán cho chị số tiền 290.322.500 đồng.

Ngoài ra tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia 04 gian nhà cấp bốn, 01 sân gạch xây năm 2001; 02 gian nhà bếp và một số công trình phụ như nhà tắm, nhà vệ sinh và 02 gian chuồng trại chăn nuôi, quá trình giải quyết vụ án chị C xin rút toàn bộ yêu cầu chia những tài sản này không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Ngọc A vắng mặt, tại phiên hòa giải ngày 04/8/2023 anh trình bày: Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như chị C trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn là do ngay sau khi cưới chị C không anh cho quan hệ vợ chồng dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau và nhiều lần anh đuổi chị C ra khỏi nhà nhưng chị C không đi. Còn việc chị C trình bày là anh đánh chị C là không đúng sự thật. Tháng 05/2023, chị C về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh đã nhiều lần đến xin lỗi chị C nhưng chị C không về đoàn tụ. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong chị C nghĩ lại cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh Bùi Ngọc A thừa nhận chị C trình bày về con chung của vợ chồng là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu A, để chị C nuôi cháu N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Đối với cháu N đã thành niên lao động tự túc được anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Bùi Ngọc A đồng ý với đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị C đề nghị chia đôi với 04 gian nhà cấp bốn, 01 sân gạch xây năm 2001; 02 gian nhà bếp và một số công trình phụ như nhà tắm, nhà vệ sinh và 02 gian chuồng trại chăn nuôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền chị C trình bày vợ chồng gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh H gồm 08 sổ tiết kiệm với tổng số tiền gửi là 540.645.000 đồng là đúng nhưng anh xác định toàn bộ khoản tiền nêu trên là tài sản riêng của anh bao gồm tiền bố mẹ anh cho anh tiền thầu hồ Xuân Đăng, xã L và con cá giống tổng cộng khoảng 16.000.000 đồng còn lại do anh lao động làm ra tích cóp được không phải tài sản chung của vợ chồng. Nếu vợ chồng tiếp tục đoàn tụ chung sống thì anh xác định toàn bộ khoản tiền nêu trên là tiền của vợ chồng, còn nếu ly hôn thì anh xác định là tiền của riêng anh. Chị C đề nghị chia đôi khoản tiền nêu trên anh không đồng ý.

Về công nợ: Đối với khoản nợ vợ chồng cho vợ chồng anh Cao Đức T và vợ là Bùi Thị A, trú tại thôn P, xã L, huyện Lập Thạch vay số tiền 30.000.000 đồng; cho vợ chồng bà Bùi Thị T và ông Lê Văn H là cô ruột của anh trú tại thôn T, xã L vay số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay anh T, chị A và bà T, ông H đã trả đủ cho anh số tiền tổng 40.000.000 đồng nhưng anh đã chi tiêu sinh hoạt hết nên không đồng ý chia cho chị C.

Về công sức, đất canh tác: Anh Bùi Ngọc A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai cháu Bùi Ngọc N và cháu Bùi Ngọc A thể hiện mâu thuẫn là do bố chửi, đuổi và đánh mẹ cháu. Các cháu đều mong muốn Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn để giải thoát cho mẹ và đều có nguyện vọng xin được ở với bố.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2023 bà Trần Thị S trình bày: Bà là mẹ anh Bùi Ngọc A, năm 2008 anh A thâu hồ Xuân Đăng vợ chồng bà cho tiền thâu là 11.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền cá giống, tổng cộng là 16.000.000 đồng. Nếu anh chị chung sống thì bà cho, nếu anh chị ly hôn bà yêu cầu anh A, chị C trả bà 16.000.000 đồng. Bà S không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị C, anh A mỗi người nuôi một cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; về tài sản chung, công nợ đề nghị giao cho anh Bùi Ngọc A sở hữu toàn bộ tiền gửi tiết kiệm và số tiền lấy nợ tổng số tiền 580.645.000 đồng, buộc anh Bùi Ngọc A thanh toán cho chị Đỗ Thị C 290.322.500 đồng. Về công sức, đất canh tác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung chị C, anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đỗ Thị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Bùi Ngọc A, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 24/5/2023 chị Đỗ Thị C có đơn xin ly hôn anh Bùi Ngọc A. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị C và anh Bùi Ngọc A là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị C và anh A có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh A không tin tưởng chị C, đối xử với chị C không tốt, vợ chồng mâu thuẫn anh A còn đánh đuổi chị C, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, tháng 5/2023 chị C về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Bùi Ngọc A, anh Bùi Ngọc A tha thiết xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì. Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh cũng không đến điều đó thể hiện anh A không có thiện chí hòa giải. Các con của anh chị cũng mong muốn Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn để giải thoát cho chị C. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Bùi Ngọc A.

Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi con của Chị C, anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh Bùi Ngọc A, việc học tập của các cháu vẫn bình thường, chị C hiện nay đang ở nhờ tại nhà bố mẹ đẻ của chị để đảm bảo quyền lợi của các con cần giao cho chị C nuôi cháu N, để anh A nuôi cháu A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu N đã thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được, các đương sự không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ: Xét yêu cầu của chị C, anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm và khoản cho vay đều là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, anh A cũng không chứng minh được là tài sản riêng của anh. Lời khai bà Trần Thị S mẹ anh A cho rằng khi vợ chồng thầu hồ Xuân Đăng, vợ chồng bà cho tiền thầu và tiền trả cá giống tổng số là 16.000.000 đồng, nếu vợ chồng chị C, anh A tiếp tục chung sống thì bà cho, nếu ly hôn thì bà yêu cầu trả bà 16.000.000 đồng, bà không có yêu cầu độc lập. Xác minh tại phòng giao dịch H thì toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm đều mang tên anh Bùi Ngọc A. Do vậy cần giao cho anh Bùi Ngọc A sở hữu toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm là 540.645.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền lấy nợ, tổng cộng là 580.645.000 đồng,

buộc anh Bùi Ngọc A phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đỗ Thị C là 290.322.500 đồng. Khoản tiền của bà S trình bày các đương sự không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào bà S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

Về công sức đóng góp, đất canh tác: Chị C, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí giá ngạch chia tài sản chị C, anh A mỗi người phải chịu 290.322.500 đồng x 5% = 14.516.000 đồng.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị C được ly hôn anh Bùi Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngọc N, sinh ngày 10/5/2009 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); Giao cho anh Bùi Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngọc A, sinh ngày 11/12/2007 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi), (hiện nay cả hai con đang ở cùng anh Bùi Ngọc A). Chị C, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung, nợ chung: Giao cho anh Bùi Ngọc A được sở hữu 08 sổ tiết kiệm mang tên Bùi Ngọc A gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lập Thạch, phòng giao dịch H tổng số tiền 540.645.000 đồng và sở hữu 40.000.000 đồng tiền lấy nợ của anh T, chị A và ông H, bà T. Tổng cộng là 580.645.000 đồng. Buộc anh Bùi Ngọc A phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Đỗ Thị C là 290.322.500 đồng (Hai trăm chín mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật chị Đỗ Thị C có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Bùi Ngọc A chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về công sức đóng góp, đất canh tác: Chị Đỗ Thị C, anh Bùi Ngọc A không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 14.516.000 đồng án phí giá ngạch chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.900.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006684 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị Đỗ Thị C được hoàn trả 3.084.000 đồng.

Anh Bùi Ngọc A phải nộp 14.516.000 đồng án phí giá ngạch chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

